TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **651**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà N.T.K.L.

2. Bà V.T.X.Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà T.N.H.N – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà N.T.D.T – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 378/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn**"**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Huỳnh Thanh Q, sinh năm 1983.
Địa chỉ: đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị T trình bày:

Chị T và Anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004, giấy chứng nhận kết hôn số 139 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/2004.

Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà của gia đình anh Q, địa chỉ đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường. Bắt đầu từ tháng 5/2017, hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hoà hợp làm cho tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

nên yêu cầu được ly hôn với Anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 (hai) con chung là V.H.K.H, sinh ngày 30/11/2004 và V.H.T.S, sinh ngày 11/3/2008. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai cũng như trong biên bản hòa giải cùng ngày 09/7/2018 thì bị đơn Anh Q trình bày: Anh thừa nhận xảy ra mâu thuẫn vợ chồng gây gổ vì anh có quen người phụ nữ bên ngoài nhưng đã không còn, vợ đã bỏ đi cùng 02 con vào tháng 8/2017, từ khi vợ và con bỏ đi không về thăm anh và ông bà nội, nay anh muốn được đoàn tụ gia đình vì anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 (hai) con chung là V.H.K.H, sinh ngày 30/11/2004 và V.H.T.S, sinh ngày 11/3/2008. Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ V.H.T.S, đồng ý giao trẻ V.H.K.H cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Ngày 19/6/2018 Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của 2 cháu V.H.T.S và V.H.K.H, hai cháu đều có cùng nguyện vọng là: *"được sống với mẹ..."*.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ 02 lần vào các ngày 08/8/2018 và ngày 30/8/2018 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng trình tự thủ tục, đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều có năng lực tố tụng dân sự và năng lực hành vi dân sự. Đối tượng khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn mà Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004, giấy chứng nhận kết hôn số 139 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/2004 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, từ tháng 5/2017 hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hoà hợp làm cho tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay.

Theo Anh Q thừa nhận xảy ra mâu thuẫn vợ chồng gây gổ vì anh có quen người phụ nữ bên ngoài nhưng đã không còn, vợ đã bỏ đi cùng 02 con vào tháng 8/2017, từ khi vợ và con bỏ đi không về thăm anh và ông bà nội, nay anh muốn được đoàn tụ gia đình.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là V.H.K.H, sinh ngày 30/11/2004 và V.H.T.S, sinh ngày 11/3/2008. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 19/6/2018 Tòa án đã tiến hành ghi nguyện vọng của hai trẻ V.H.K.H và V.H.T.S đều cùng có vọng nguyện: *"Được ở với mẹ..."*.

Sau buổi hòa giải ngày 09/7/2018, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh Q có nhiều thời gian chăm lo gia đình cũng như giải thích cho chị T về việc đoàn tụ gia đình, chị T đã cung cấp địa chỉ đang sinh sống cho anh Q để anh Q có điều kiện thăm nom chăm sóc vợ và các con. Nhưng tại buổi hòa giải tiếp theo và các lần xét xử để Tòa án tiếp tục động viên hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do, dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung.

Ngày 19/6/2018 Tòa án có phiếu yêu cầu xác minh tình trạng cư trú của anh Q và ngày 25/7/2018 Tòa án có Công văn số 378/TAQ6-1 xác minh tình trạng hôn nhân gửi đến Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và Anh Q trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T về việc yêu cầu ly hôn đối với Anh Q. Chị T được ly hôn với Anh Q.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là V.H.K.H, sinh ngày 30/11/2004 và V.H.T.S, sinh ngày 11/3/2008 cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và Anh Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/2004 không còn hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0029368 ngày 05/6/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang